

QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT NHƯ Ý LUÂN DU GIÀ (Một Quyển)

Hán dịch: Chùa Đại Hưng Thiện, Tam Tạng Sa Môn Đại Quảng Trí
BẤT KHÔNG phụng chiếu dịch.

Sưu tập Thủ Ấn, phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

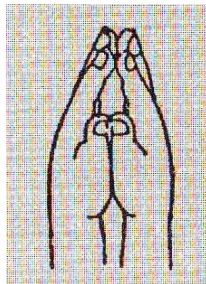
Nay Ta theo Du Già
KIM CƯƠNG ĐỈNH KINH nói
MA NI LIÊN HOA BỘ
NHƯ Ý NIỆM TỤNG PHÁP
Vì tu **Tam Muội** (Samàdhi) này
Hay như **Quán Tự Tại** (Avalokite'svara)

Trước tiên chọn đệ tử
Thuộc **Tộc Tính** (Kula) kính **Pháp** (Dharma)
Được nhiều người yêu kính
Có Trí Tuệ, dũng tiến
Quyết định **Tỳ ly gia** (Vīrya_ Tinh tiến)
Thường chẳng bỏ Giác Tuệ
Hiếu thuận với cha mẹ
Tĩnh tín nơi **Tam Bảo** (Tri-ratna)
Vui tu **hạnh Bồ Đề** (Bodhi-carya)
Nơi bốn Tâm Vô lượng
Sát na không gián đoạn
Thường vui **Pháp Đại Thừa** (Mahà-yàna-dharma)
Trụ ở Bồ Tát Giới
Cúng kính **A Xà Lê** (Àcàrye)
Tất cả bậc **Thánh Giả** (Àrya)
Thành tựu sức kiên cố
Dũng mãnh của **trượng phu** (Puruṣa)
Khéo thông Môn Tương Ứng
Thường vui hạnh Tịch Tĩnh
Trí Tuệ không sợ hãi
Dem **giới luật** (Vinaya) nghiêm thân
Tinh tu **Bí Mật Thừa** (Guhya-yàna)
Kính y **Lý Thú Đạo** (Naya-pàtha)
Một lòng không chỗ khác
Thường vui nghe **Diệu Pháp** (Saddharma)
Từng vào **Tam Muội Gia** (Samaya)

Theo Thầy được **Quán đĩnh** (Abhiṣeka)

Được việc ấn khả xong
Chẳng bao lâu sẽ thành tựu
Đệ Tử đủ tướng này
Mới có thể truyền thụ
Đây tức Báu Như Ý
Hay thành các sự nghiệp

Như Kinh nói xứ sở
Sườn núi với dòng sông
A Lan Nhã (Araṇya) thanh tịnh
Khe, cốc tùy ý thích
Lìa các nạn nguy sợ
Tùy khả năng cúng dường
Hành Nhân hướng phương Tây
Mạn Đề Tự Tại Vương
Tiếp, lễ Phật phương khác
Cúi năm vóc sát đất
Như giáo mà kính lễ
Quy hai gối, thẳng lưng
Chấp tay, giữa trống rỗng



Thành tâm bày tỏ hết
Con từ đời vô thủy
Lưu chuyển trong sinh tử
Nay đối Đại Thánh Tôn
Hết lòng xin **Sám hối**
Như Phật trước đã Sám
Nay con cũng như vậy
Nguyện rũ sức gia trì
Chúng sinh đều thanh tịnh
Do Đại nguyện này nên
Ta người (Tự Tha) được **Vô Cấu** (không có dơ bẩn)
Mật Ngôn là:

“**Án - Tát phộc bà phộc, thâu đà - tát bà đạt ma tát phộc bà phộc, thâu
đô - Hàm**”

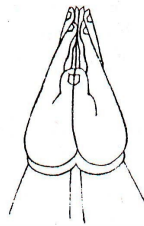
ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

☞ OM SVABHÀVA ‘SUDDHA SARVA DHARMA SVABHÀVA
‘SUDDHA UHAM

Hành Giả tiếp nên tùy hỷ nơi gom chứa Phước Trí của tất cả Chư Phật Bồ Tát (Tưởng công đức đã tu tập trong đời quá khứ của tất cả Phật Bồ Tát như chính mình làm mà sinh vui vẻ).

Tất cả Phật ba đời
Bồ Tát và Thánh chúng
Đã gom chứa căn lành
Chấp tay **tùy hỷ** hết
Như ta đã gom chứa
Vui vẻ không hề khác

Tiếp, nên quỳ gối bên phải sát đất, chấp tay Phù Dung đặt trên đỉnh đầu, tưởng lễ dưới chân tất cả Như lai Bồ Tát.



Mật Ngôn là:

“**Án – Bát đầu ma – Vi**”

ॐ ५३ ॐ

☞ OM PADMA VIH

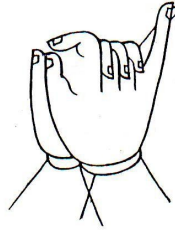
Lễ Chư Phật xong, tùy ý ngồi theo thế Toàn già, Bán già hoặc Luân Vương già.

Tác Tọa Ấn này xong
Quán Phật khắp hư không
Tự thân đều như trước
Trụ chúng Thánh hội kia
Chỉ Quán (2 bàn tay) từ trên gối
Xoay múa hợp ngang tim
Như hoa sen chưa nở



Tưởng lễ nơi Chư Phật

_ Tiếp, kết Tam Muội Gia
Buộc bền chắc ngang tim
Dựng Đàn Tuệ (2 ngón út) Thiền Trí (2 ngón cái)
Kim Cương Liên Hoa Ấn



Thông bậc cầm hoa sen
Cảnh giác chúng Thánh xong
Tụng Mật Ngôn này là:

“**Án – Bạt chiết la bát đầu ma tam ma gia, tát tát phạm**”

ॐ वज्र पद्म समय स्त्वम्

ॐ OM VAJRA PADMA SAMAYA STVAM

Do kết Ấn này nên

Phật nói: “**THIỆN THỆ TỬ** (Sugata-putra: Con của đấng Thiện Thệ)

Các bậc **Đại danh xưng** (Mahà-ya’sa)

Diệu quán sát nhiếp thọ

Nhớ lại Thệ nguyện xưa

Đối trước **BIẾN CHIẾU TÔN** (Vairocana-nàtha)

Chẳng dám ngược Giáo Lệnh

Gia trì khiến viên mãn

_Tiếp, kết **NHẤT THIẾT CHƯ PHẬT NHƯ LAI DUYỆT Ý HOAN HỖ TAM MUỘI GIA ẤN**

Buộc mười ngón bên chắc

Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) hợp giao giữa

Đàn Tuệ (2 ngón út) và Thiền Trí (2 ngón cái)

Đều hợp nhau dựng đứng



Mật Ngôn là:

“**Án – Tam ma gia, hô, Tô la đa, Tát tát phạm**”

ॐ समय होह सुरत स्त्वम्

ॐ OM SAMAYA HOHE SURATA STVAM

Do kết Ấn này nên

Chư Phật và Bồ Tát

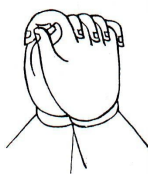
Tất cả **Chấp Kim Cương** (Vajra-dhàra)

Thấy đều hiện hoan hỷ

_Tiếp, nên mở cửa tâm

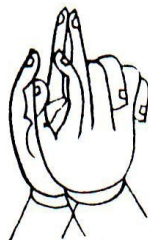
Vào chữ **Kim Cương Trí** (Vajra-jñàna)

Quán ở trên hai vú
 Phải: ĐÁT LA (ॐ - TRÀ) Trái: TRA (ॐ - T)
 Như cánh cửa Cung Thất
Kim Cương Phộc thù thắng



Ba nghiệp đồng thời phát
 Vỡ tim mở hai chữ
 Mật Ngôn là:
“Án – Bạt nhật la mãn đà đát la tra”
 ॐ वज्रवन्धु वज्र
 ॐ OM VAJRA BANDHA TRÀṬ

Uởm hạt từ Vô thủy
 Gom chứa bao trần lao
 Nay dùng **Triệu Tội Ấn**
 Gom lại đập nát hết
 Buộc mười ngón bền chắc
 Duỗi Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) như Kim
 Co Tiến Lực (2 ngón trỏ) như Câu (móc câu)



Tâm tưởng triệu các tội
 Tưởng mọi tội trọng ấy
 Lộ hình đen như tóc
 Và ấn khắc nơi tim
 Chạm xong, tụng Mật Ngữ
 Tương ứng với ba nghiệp
 Hay triệu tập này xong
 Mới làm Pháp Tội phá
 Mật ngôn là:
**“Án – Tát bà bả ba ca ly sái noa vĩ thâu đà ná tam ma gia bạt nhật la,
 hồng nhạ”**
 ॐ सर्व पापाकारशय विषोदधाना समया वज्र हुं ह्र
 ॐ OM SARVA PÀPA AKARŞAYA VI'SODHANA SAMAYA VAJRA
 HÙM JAH

Triệu vào bàn tay xong
 Mời làm Pháp Tội phá
 Ấn trước cùng cài trong
 Xưng **Hàm** (HÙM) cột các tội
 Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) cùng duỗi thẳng
 Có chữ ĐÁT LA TRA (𑖀𑖄 - TRẬT)



Tưởng là chày Kim Cương
 Cùng vồ như phá núi
 Nhấn cú và nộ hình
 Hay tñnh các nẻo ác
 Tụng xong, Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) vồ
 Hai mươi mốt (21) tùy nghi (nghi tấc)
 Mật Ngôn là:

**“Ấn – Bạt nhật la bá ni vĩ tát phổ tra dã – Tát bà bả da mấn đà ná nễ bát
 la mẫu khất sái dã – Tát bà bả dã nghiệt để tích dước - Tát bà đát vãn – Tát
 bà đát tha nghiệt da phạt nhật la ta ma dã – Hồng đát la Tra”**

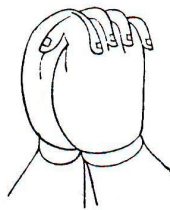
ॐ वज्रपणि विष्णुटया सर्व पया वज्रगु समकय सर्व पपय गग
 त्तुः सर्वसर्व शं सर्व गपगग वज्र समय हू वद

ॐ OM VAJRAPANĪ VISPHOTAYA SARVA PÀYA BANDHANĀNI
 PRAMOKṢAYA - SARVA PÀPAYA GATEBHYAḤ - SARVA SATVA MÀM
 - SARVA TATHÀGATA VAJRA SAMAYA HÙM TRÀT

Dùng Môn tương ứng này
 Phạt xưa phương tiện nói
 Ba nghiệp gom chứa tội
 Vô lượng chướng cực nặng
 Làm tội diệt này xong
 Như lửa đốt cỏ khô
 Hữu tình thường ngu mê
 Chẳng biết lý thú này
 Vì Như Lai Đại Bi
 Mở môn Bí diệu này

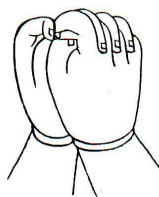
Tiếp, nên kết **Nhập ấn**
 Trong chữ **Như Lai Trí** (Tathàgata-jñàna)
 Hai tay buộc bên chắc
 Thiên Trí (2 ngón cái) vào trong chưởng
 Đem hai độ Tiến Lực (2 ngón trỏ)

Vịn nhau như cái vòng



Quán sen tám cánh trước
Trên đó đặt chữ A (ॐ)
Vì hai điểm nghiêm sức
Chữ diệu mới là Ác (ॐ AH)
Màu trắng như Kha Tuyết
Phóng tỏa ngàn hào quang
Tưởng dùng chi Tiến Lực (2 ngón trỏ)
Niệm chữ an trong tim
Ba nghiệp đều vận dụng
Tụng Mật Ngôn này là:
“Án – Phạt nhật la, a vi xá, Ác”
ॐ वज्र अविषा अ
ॐ OM VAJRA AVI'SA AH

Đã tưởng vào trong tim
Tưởng chữ vượt quang diệu
Đây tức Pháp Giới Thể
Hành Giả nên quán thấy
Chẳng lâu ngộ Tịch Tĩnh
Pháp vốn chẳng hề sinh
Các Như Lai ba đời
Thân Khẩu Ý Kim Cương
Đều dùng phương tiện diệu
Giữ tại Kim Cương quyền
Dùng đây đóng cửa tâm
Chữ Trí hộ bền chắc
Liên co độ Tiến Lực (2 ngón trỏ)
Trú ở lưng Thiên Trí (2 ngón cái)



Đem Ấn chạm ức ngực
Liên tụng Diệu Ngôn này
“Án – Phạt nhật la mẫu sắt trí Hàm”
ॐ वज्रसुखं

☞ OM VAJRA MUṢṬI VAM

Hành Giả trụ **Đẳng dẫn** (Samàhita)
Hai tay buộc bền chắc
Ngửa đặt ở dưới rốn
Thiền Trí (2 ngón cái) hình hoa sen
Đây gọi **Tam Muội Ấn** (Samàdhi-mudra)



Tụng Mật Ngôn này là
“**Ấn - Tam ma địa Bát đầu mê ngọt ly**”
ॐ ममदा पञ्च ह्रीः
☞ OM SAMÀDHI PADME HRÌH

Thở ra và thở vô
Trú A NA BA NA (Anapanna)
Tưởng Phật khắp Hư không
Búng tay cảnh giác Ta
Phật Tử (*Buddha-putra*) ! Người làm sao
Thành Vô thượng đẳng giác
Chẳng biết các Như Lai
Diệu Pháp của thật tướng
Đã nghe cảnh giác xong
Hành Giả lại bạch rằng
“*Thế nào là chân thật?*”
Nguyện **TỐI THẮNG TÔN** nói”
Chư Phật đều vui vẻ
Tác Thắng Ngôn như vậy:
“*Lành thay! Ma Ha Tát (Mahàsatva)*
Hay tác hỏi như vậy
Người tưởng ở trong Tim
Trong chứa **Ác Tự Môn** (ॐ AH)
Dùng chữ thấu suốt Tâm
Tụng Mật Ngôn này là:
“**Ấn – Chỉ đa bát la để vị đặng Ca lộ nhĩ**”
ॐ ह्रीं पञ्च ह्रीं कृत्वा
☞ OM CITTA PRATIVEDHAM KARA UMI

Nên tụng thầm một biến
Liên tưởng làm vành trăng
Muốn tinh tiến gấp bội
Lại tụng Diệu Ngôn là:

“Án – Bộ đề chỉ đa mẫu đất bả đà dạ nhĩ”

ॐ वज्रसूक्तं यामि

ॐ OM BODHICITTAM UTPADA YAMI

Hay khiến vành trăng tim

Viên mãn cực thanh tịnh

Giữa tường Hoa sen diêu

Trên đặt Kim Cương báu

Mật Ngôn là:

“Án – Để sắt xá ma ni phật nhật la bát ná ma”

ॐ वज्रसूक्तं यामि

ॐ OM TIṢṬA MAṆIVAJRA PADMA

Dẫn lượng đồng Hư không

Vòng khắp nơi Tam giới

Lại tụng Diêu ngôn này

KIM CƯƠNG NGŨ lia tiếng

“Án – Tát phả la ma ni phật nhật la bát ná ma”

ॐ वज्रसूक्तं यामि

ॐ OM SPHARA MAṆIVAJRA PADMA

Ở đây dẫn sen đẹp

Phóng tỏa ngàn ánh lửa

Trong mỗi một ánh sáng

Vô lượng Sát Thổ Phật

Trong sát (cõi) có sen đẹp

Tưởng Bạc cầm sen báu

Cầm sen báu, phương thẳng

Trong phương tuôn diêu thanh (Tiếng vi diêu)

Ai có phần Phước mỏng

Sẽ mãn tất cả nguyện

Trụ TỊCH TAM MUỘI đấy

Làm lợi các Hữu tình

Loại Bồ Tát như vậy

Đều trụ ở **Đẳng dẫn**

Từ LIÊN HOA THAI TẠNG (Padma-garbha)

Phóng ngàn hào quang diêu

Đều làm lợi chúng sinh

Nhóm ĐÀN BA LA MẬT (Dànapàramitā:Bố Thí Ba La Mật)

Vào khắp các Tam Muội

LÝ THỨ THIÊN XẢO MÔN

Vì thương xót Hữu tình

Tác vô lượng phương tiện

Từ sinh đến Niết Bàn
Chuyển ĐẠI DIỆU PHÁP LUÂN
Đều theo Ý BẢO (Báu Như Ý) ra
Diệu Pháp đã được nói
Đều dùng LUÂN THÀNH TỰU
Dùng LUÂN làm DIỆU TRÍ
Hay chặt các KIẾT SỬ
Do chuyển Diệu Pháp luân
Đây là đường Phước trí

Tiếp, đều chính quán sát
Dần thâm sen Trí ấy
Mật Ngôn là:

“ÁN – Tăng ha la ma ni phat nhật la bát ná ma”
ॐ ह्रीं ॥ मन्त्रं वज्रं पद्मं
ॐ OM SAMHARA MAṆI-VAJRA PADMA

Các Như Lai sở tại
Đều vào làm một thể
Giống như ở gương sáng
Đều hiện các vạn tượng
PHÁP GIỚI TỰ TÍNH THỂ
Trú ở sen Kim Cương
Liên biến sen báu ấy
Làm CHÂN ĐA BỒ TÁT (Cintā-maṇi-bodhisatva)
Tay cầm báu Như Ý
Thân sáu tay màu vàng
Đều tướng ở Tự thân
ĐỈNH kế báu trang nghiêm
Mão có TỰ TẠI VƯƠNG (Loke'svara Ràja)
Trụ ở tướng Thuyết Pháp
Tay thứ nhất: suy tư
Thương nhớ các Hữu tình
Thứ hai cầm Ý BẢO (Báu Như Ý)
Hay mãn tất cả nguyện
Thứ ba, cầm tràng hạt
Vì cứu khổ Bằng sinh
Trái đè núi Quang Minh
Thành tựu không lay động
Thứ hai, tay cầm sen
Hay tĩnh các **Phi Pháp**
Thứ ba, tay cầm Luân (bánh xe)
Hay chuyển Pháp Vô thượng

Sáu tay: QUẢNG BÁC THỂ (Thể rộng lớn)
Hay đạo chơi sáu nẻo
Dùng **phương tiện Đại Bi** (Mahà-kàruṇa-upàya)
Chặt các khổ Hữu tình

Hành Giả quán như vậy
Ngồi ở trong vành trăng
Thân tuôn ngàn hào quang
Đỉnh, lưng: hào quang tròn
Lại tưởng vành trăng tim
Cũng có hoa sen báu
Dùng đấy hay kiên cố
Không động quán thân mình
Vì lia các vọng tưởng
Tụng Mật Ngôn này là:

“**ÁN – Nễ ly trà để sắt xá la đát na phạt nhật la bát ná ma đát ma cú hàm Tam ma dụ hàm ma ha Tam ma dụ hàm – Tát bà đát tha nghiệt đa. Tỳ Tam ma địa la đát ná phạt nhật la bát ná ma đát ma cú hàm”**

ॐ ह्रीं शुक्रे ॥ वृ वृष पशु मृगशकं सम्यकं मन्त्रसम्यकं मन्त्रं न
एतन्मन्त्रस्य ॥ वृ वृष पशु मृगशकं

ॐ OM DR̥DHA TIṢṬA RATNA VAJRA PADMA ATMAKA UHAM
SAMAYA UHAM MAHÀ SAMAYA UHAM - SARVA TATHÀGATA
ABHISAMBODHI RATNA VAJRA PADMA ATMAKA UHAM

Dùng Pháp này gia trì
Mười độ hợp PHÙ DUNG
Co Tiến Lực (2 ngón trở) như báu



Ấn: tim, trán, họng, đỉnh
Tưởng chữ HỒNG (ह्रं _ HŪM) ở tim
Tưởng LA (ल _ RA) [?ĐÁT LA (लः _ TRÀH)] an ở trán
Đặt Ngột ly (ह्रीः _ HRÌH) trên họng
Để chữ Ác (ऋ _ AH) ở đỉnh
Do đặt bày tưởng này
Thân này như Kim Cương
Lại tụng Mật ngôn này
LIÊN HOA NGŨ làm tiếng

“**Án – La đát ná phạt nhật la đát ma Hột ly**”

ॐ [ॠ ॡ ॢ ॣ ।] ॐ

ॐ OM - RATNA-VAJRA DHARMA HRÌH

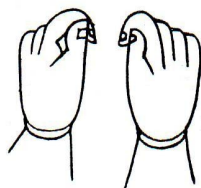
Tiếp, nên kết QUÁN ĐỈNH
Bậc Trí hợp LIÊN CHUỖNG
Tiến Lực (2 ngón trỏ) như hình bấu
Mở Thiên Trí (2 ngón cái) cùng xa
Đặt trán tụng Mật Ngôn
Tâm tưởng Phật quán đỉnh

“**Án – Bát ná ma bát ly câu đề đa trí la đát na bát ná ma ty sai kế la A ty
tru giả Hàm đát lạc**”

ॐ ॠ ॡ ॢ ॣ । ॥ ॐ ॠ ॡ ॢ ॣ । ॥ ॐ ॠ ॡ ॢ ॣ । ॥ ॐ

ॐ OM - PADMA BHRKUTI TÀRE RATNA-PADMA ABHIŞAIKÀYA
ABHIŞIMCA MÀM - TRÀH

Liên dùng Diệu Án này
Hai tay chia hai bên
Như buộc LIÊN HOA MAN (vòng hoa sen)

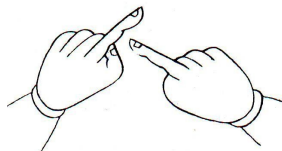


Từ từ hạ xuống buông
Tưởng thế rũ giải lụy
Tụng Diệu Ngôn này là
“**Án – Bát ná ma ma lệ Hàm Hột ly đát lạc**”

ॐ ॠ ॡ ॢ ॣ । ॥ ॐ

ॐ OM PADMA MÀLE MÀM - HRÌH TRÀH

Tiếp, nên kết GIÁP KHẢI (Áo giáp)
Hai tay hình hoa sen



Từ tim ràng đến lưng
Từ lưng ràng ngay rốn
Hướng eo với hai gối
Lên dần ràng sau não
Từ não lại ngang họng
Lại ràng ở sau đầu

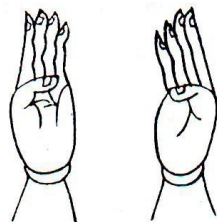
Quay lại đến trên trán
Lui về sau đỉnh ràng
Dần dần hạ xuống buồng
Tụng Bí Mật Ngôn này:

“**Án – A bà duệ bát ná ma ca phộc chế mẫn đà, la thác sái, hàm, Hồng hàm**”

ॐ ऌ भय पद्मे कवच बन्धा रक्ष मं हुं हं

ॐ OM ABHAYE PADME KAVACE BANDHA RAKṢA MAM _ HUM
HAM

Vì làm vui Chư Phật
Nên vẽ **LIÊN HOA ÁN**
Hai tay kết **LIÊN CHUỖNG**
Khéo vẽ khiến vui vẻ



Mật Ngôn là:

“**Án – Bát ná ma đở sử cốc**”

ॐ पद्म तुष्य कः

ॐ OM PADMA TUṢYA HOḤ

Tưởng ở trước thân mình
Quán **HỘT LY TỰ MÔN**
Biến thành **LIÊN HOA VƯƠNG**
Giữa có chữ **HỘT LY** (ॐ _ HRÌH)
ĐÁT LA (ॐ _ TRA) an hai bên
Làm Kim Cương bảo liên (sen báu Kim Cương)
Cộng biến làm sở Tôn
Cầm báu Diệu Chân Đà
Như trước Quán thân mình
Nay **SỞ QUÁN** cũng vậy
Vì khiến **THỂ** không sai
Tiếp, tác Pháp **HỒ TRIỆU**
Mười độ (10 ngón tay), sen chưa nở
Tiến Lực (2 ngón trở) như móc câu



Liên tụng Mật Ngữ này
Nên làm LIÊN HOA ÂM

“**Án – Bát ná ma trí nọ na năng cú xã hồng – Án Bát ná ma chỉ nhạ ná
bổ sắt tỷ Hồng**”

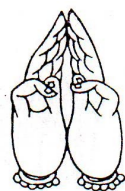
ॐ पद्मकुण्डलकुण्डलि ह्रूं
ॐ OM PADMA JÑANA AMKU'SA HÙM
ॐ पद्म पुष्प ह्रूं
OM PADMA JÑANA PUŞPE HÙM

Hành giả đã triệu xong
Tiếp nên kết **Sách Án**
Như trước hợp LIÊN CHUỞNG
Tiến Lực (2 ngón trở) vịn như vòng
Đáy tên: LIÊN HOA SÁCH (Padma-pà'sa)



Hay mãn các ý nguyện
Nên tụng Mật Ngôn này
Triệu vào ở TRÍ THÂN
“**Án – Bát ná ma chí noa na A mẫu già bả xã Hồng**”
ॐ पद्मकुण्डलकुण्डलि ह्रूं
ॐ OM PADMA JÑANA AMOGHAPÀ 'SA HÙM

Đã vào ở Trí Thân
Vì khiến không lay động
Lại nên kết LIÊN TỎA (Padma-Sphoṭa)
Nên tác tâm quyết định
Như trước hợp Liên Chưởng
Tiến (ngón trở phải) Thiên (ngón cái phải) vịn như vòng
Lực (ngón trở trái) Trí (ngón cái trái) cũng như vậy
Cùng kết như Câu Tỏa (móc khóa)



“**Án – Bát ná ma chí noa na tác bế Tra Hồng**”

ॐ पद्मकुण्डलं ॐ

ॐ OM PADMA JÑANA SPHOTA HÙM

Vì khiến diêu hoan hỷ
Kết LIÊN HOA LINH ÁN
Nên dùng Liên Hoa dâng
Thiền Trí (2 cái) vào trong chuông
Tiến Lực (2 trở) như cái vòng



Tụng Bí Mật Ngữ này

“**Án – Chí noa ná bát ná ma A vĩ xã gia Hồng**”

ॐ कुण्डलपद्मं अविषया ॐ

ॐ OM JÑANA PADMA AVI'SAYA HÙM

Tiếp, nên tụng LIÊN HOA (Liên Hoa Bách Tự Minh)
Dâng hiến nước **Át Già** (Argha)
Dùng Uất Kim, Bạch Đàn hương
Long Nãi kèm các hoa
Hai tay dâng cúng dường

“**Án – Bát ná ma Tát đất phộc Tam ma địa nỗ bá la dã – Bát ná ma Tát đất phộc đế vĩ nỗ ba đế sát xá nễ ly noa hộ mị bà phộc, Tố đồ sát dụ mị bà phộc_ A nỗ la Cử đồ mị bà phộc, Tố bổ sát dụ mị bà phộc, tát bà tát địa nhĩ dị Bát là dã tha Tát bà yết ma Tố giả mê chỉ đa thất lợi Dực cử lộ hồng – Ha Ha Ha Ha cóc – Bà gia phạm – tát bà đất tha nghiệt đa – Bát ná ma Ma mị muộn giã Bát ná mị bà phộc Ma ha Tam ma địa Tát đất phộc Hộ ly**”

ॐ पद्मसर्व सम्यक्संप्रदाय पद्मसर्व वृक्षपत्रपुष्पं कृत्वा मन्त्रं शुभं
शुभं मन्त्रं शुभं शुभं मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं सर्वसिद्धिं मन्त्रं सर्वं कर्म
शुभं मन्त्रं सर्वं श्रीयं कुं ॐ कुरु कुरु कुरुः कुरुतं सर्वं कर्मगतं पद्मं मन्त्रं
मन्त्रं पद्मं कुरु मन्त्रं सम्यक्सर्व ॐ

ॐ OM - PADMA SATVA SAMAYAM - ANUPÀLAYA - PADMA
SATVA TVENA UPATIṢṬA - DRDHO MEBHAVA - SUTOṢYO MEBHAVA
- ANURAKTO MEBHAVA - SUPOṢYA MEBHAVA - SARVA SIDDHI ME
PRAYACHA_ SARVA KARMA SU CA ME CITTAM 'SRÌYAḤ KURU
HÙM - HA HA HA HA HOḤ_ BHAGAVAM - SARVA TATHÀGATA -

PADMA MA ME MUṂCA PADMĪ BHAVA - MAHÀ SAMAYASATVA _
HRĪḤ

Tiếp, dùng Nội Ngoại Cúng
Cúng dường LIÊN HOA VƯƠNG
Ấy là NỘI CÚNG DƯỜNG
Chưởng Phù Dung ngang tim
Thiền Trí (2 ngón cái) kèm duỗi thẳng
Tên là LIÊN HOA HỖ (Padma-rati)



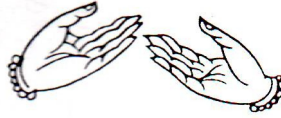
Nên tụng Mật Ngôn là
“**Án - Chí noa na bát ná ma la tế Hồng**”
ॐ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ
ॐ OM JÑANA-PADMA RATI HÙM

Tiếp, kết HOA MAN ẤN (Màle-mudra)
Dùng dây mà cúng dường
Chẳng dời HỖ ẤN trước
Hai tay dâng hướng trước



Tưởng mọi thứ BẢO MAN (Tràng hoa báu)
Trần khắp Hư không giới
Mật Ngôn là:
“**Án_ Chí noa ná bát ná-ma ma lệ hồng**”
ॐ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ
OM JÑANA-PADMA MÀLE HÙM

Tiếp nên dùng CA ẤN (Gìta-mudra)
Phụng hiến Bạc TRÍ LIÊN (Jñana-padma)
Lại dùng Diệu Ấn trước
Co chưởng trụ các Độ (các ngón tay)
Từ rốn dần đến miệng
Buông xuống như viết chép



Tưởng âm Khẩn Na La (Kimnara)

Cúng dường các Thánh Giả

Mật Ngôn là:

“**Án – Chí noa na bát ná ma nghĩ đế – Hồng**”

ॐ ॐ नमो नमो नमो नमो ॐ

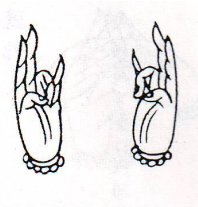
ॐ OM JÑANA-PADMA GÌTE HÙM

Tiếp, nên kết VŨ ẮN (Nṛtye-mudra)

Ắn trước chuyển trái, phải

Chấp Phù Dung điệu chưởng

Đặt trên đỉnh đầu, buông



Do Bốn cúng dường đầy

Hay được Đại Thần Thông

Mật Ngôn là:

“**Án – Chí noa na ná bát ná ma nễ y đế Hồng**”

ॐ ॐ नमो नमो नृत्त्ये ॐ

ॐ OM JÑANA-PADMA NṚTYE HÙM

Tác **bốn cúng dường** này

Hay thành việc tối thắng

Tiếp, kết NGOẠI CÚNG DƯỜNG

Tâm vui vẻ dâng hiến

Vận tâm không biên giới

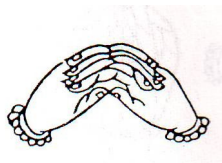
LIÊN HOA PHẦN HƯỚNG (Padma-dhùpa) Pháp

Chư Phật chân thành nói

Vì lợi các Hữu tình

Liên Chưởng hướng xuống, buông

Giống như thế đốt hương



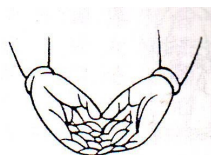
Tụng Bí Mật Ngôn này

Tưởng mây hương cúng dường

Vòng khắp Hư không giới

Cúng dường các Thánh chúng
“**Án – Bát ná ma chí noa na độ bế Hồng**”
ॐ पद्म कुण्डल ॐ
ॐ OM PADMA-JÑANA DHÙPE HÙM

Tiếp nên kết HOA ẤN (Puṣpa-mudra)
Dùng ba mươi hai tướng
Trang nghiêm các Như Lai
Quán mây hoa diệu sắc
Vận tâm tràn tất cả
Như trước chấp LIÊN CHUỖNG
Trên rải như tán hoa



Với các **Thiện Thệ Tử**
Tưởng đầy Hư không giới
Mây hoa thơm phưng phức
Cây báu rất trang nghiêm
Tụng Bí Mật Ngũ này
Ba nghiệp cùng vận dụng
“**Án – Bát ná ma chí noa ná bố sát bế Hồng**”
ॐ पद्म कुण्डल ॐ
ॐ OM - PADMA-JÑANA PUṢPE HÙM

Vô minh che chúng sinh
Lìa ánh sáng Trí Tuệ
Vì làm Tĩnh Trừ ấy
Nên kết TRÍ ĐĂNG ẤN (Jñana-àloke-mudra)
Dùng Liên Hoa Chửơng trước
Thiền Trí (2 ngón cái) cùng dựng nghiêng



Tâm tưởng đèn Ma Ni
Chiếu khắp Hư không giới
Muôn vô lượng ánh sáng
Tụng Mật Ngôn là:
“**Án – Bát ná ma chí noa na nễ bế Hồng**”
ॐ पद्म कुण्डल ॐ
ॐ OM PADMA-JÑANA ÀLOKE HÙM

Bậc Trí! Tiếp nên kết
GIẢI THOÁT ĐỒ HƯƠNG ẤN (Mukti gandha-mudra)
 Vì Tĩnh chúng sinh nên
 Hiến hương THI LA (‘Sila) này
 Hai tay bung Liên chưởng
 Ngang tim, thế xoa hương



Mười ngón thành huân tập
 Biển hương tràn Hư không
 Hiến Phật và Sở Tôn (Bản Tôn của Không)
 Tụng Bí Mật Ngũ này
“Án – Bát ná ma Chí noa na hiến đề Hồng”
 ॐ पद्म कुण्डल ॐ
 ॐ OM PADMA-JÑANA GANDHE HÙM

Nội Ngoại cúng dường xong
 Sau đó nên thuận tiện
 Kết Bí Mật BẢN ẤN
 Đối trước MẬT NGÔN VƯƠNG
 Trước, tụng Căn Bản Ngôn
 Bảy biến rõ ràng xong
 Đặt chưởng ngang với tim
 Nhấn Nguyệt (2 ngón giữa) như hoa sen
 Tiến Lực (2 ngón trỏ) dạng MA NI
 Các ngón khác như phượng



Tụng Căn Bản Mật Ngôn
 Nghĩ mãi nguyện Hữu tình
 Mật Ngôn là:

**“Ná ma la dát ná dát la dạ dã – Na ma a li gia phộc lỗ cát đế Thấp phiệt
 la gia – Bồ đề tát dát phộc gia – Ma ha tát dát phộc gia – Ma ha ca lỗ ni ca gia
 – Đát diệt tha – Án chước ca la mặt đề chân đa mặt ni – Ma ha bát ná mê –
 Lỗ lỗ đế sát xá – Nhập phộc la, A ca ly sái gia – Hồng phát tra Tát phộc ha”**

ॐ पद्म कुण्डल ॐ
 ॐ पद्म कुण्डल ॐ पद्म कुण्डल ॐ पद्म कुण्डल ॐ
 ॐ पद्म कुण्डल ॐ पद्म कुण्डल ॐ पद्म कुण्डल ॐ पद्म कुण्डल ॐ
 ॐ पद्म कुण्डल ॐ पद्म कुण्डल ॐ पद्म कुण्डल ॐ पद्म कुण्डल ॐ

ॐ NAMO RATNATRAYÀYA
 NAMAḤ ÀRYA AVALOKTE'SVARÀYA BODHISATVÀYA MAHÀ
 SATVÀYA - MAHÀ KÀRUNIKÀYA
 TADYATHÀ: OM ÇAKRA VARTTI CINTÀMAṆI MAHÀ PADME
 RURU TIṢṬA JVALA AKARṢAYA HÙM PHAT SVÀHÀ

Tiếp, kết Tâm BÍ MẬT
 Dưa Căn Bản Ấn trước
 Buộc Đàn Tuệ (2 ngón út) Giới Phương (2 ngón vô danh)
 Tên là BẢN TÂM ẤN



Tất cả các ý nguyện
 Ứng theo niệm của Tâm
 Do kết Ấn này nên
 Thấy đều được thành tựu
 Mật Ngôn là:
“Ấn – Bát na mê chân đa ma ni nhập phộc la Hồng”
 ॐ पद्म (बज्रमणि ज्वल ॐ
 ॐ OM - PADMA CINTÀMAṆI JVALA HÙM

Tiếp, kết TÙY TÂM ẤN
 Hai tay buộc bên chắc
 Tiến Lực (2 ngón trỏ) hình MA NI
 Thiền Trí (2 ngón cái) kèm nhau duỗi
 Giới Phương (2 vô danh) cũng duỗi thẳng
 Đàn Tuệ (2 ngón út) cùng giao cứng



Tụng TÂM TRUNG TÂM này
 Mật ngôn là:
“Ấn Mạt la ná bát ná mê Hồng”
 ॐ वरु पद्म ॐ
 ॐ OM VARADA PADME HÙM

Tiếp, tướng trong miệng TÔN

Tuôn ra lời Bí Mật
Rõ ràng thành TỰ ĐẠO (Con đường đầy chữ)
Ngũ sắc quang chiếu diệu
Màu thù thắng xen kẽ
Vào trong miệng DU KỶ (Yogi _ Người tu Du Già)
Bày trong vành trăng tim
Trong như pha lê hồng
Mỗi mỗi suy tư kỹ
Thuận lý tùy giác ngộ
Trú định mà tu tập

Nhập vào A TỰ MÔN (A)
Liên vào LUÂN TỰ QUÁN
Đều quán khắp các chữ
Đây tên TAM MUỘI NIỆM
Được Trí với giải thoát
Do sự tương ứng này
Chẳng lâu thành Chủng Trí

Nếu THƯỜNG THANH (âm thanh bình thường) thuận niệm
Tối thắng diệu kỳ đặc
Trụ ở BẢN TÔN QUÁN
Chẳng khởi tâm nóng vội
Chẳng cao cũng chẳng thấp
Chẳng chậm cũng chẳng gấp
Bậc Trí lia phân biệt
Với các Tâm vọng tưởng
Nếu tụng Lạc Xoa Biến (100.000 biến)
Mong cầu đều **Tất Địa** (Siddhi _ Thành tựu)
Hai tay cầm tràng hạt
Pha chi và hạt sen
Loa châu với báu khác
Sáng đẹp không tỳ vết
Nên xuyên trăm lỗ tám
Mỗi hạt tụng bảy biến
TÂM VỚI TÂM TRUNG TÂM
Hoặc TỶ CẦU (Bhṛkūṭi) ĐA LA (Tàrà)
Tác Pháp này gia trì
Xỏ râu châu man xong
Ngay tim mỗi một độ
Cùng SA HA tề thanh (Đồng âm thanh)
Một ngàn trăm tám biến
Tùy sức mà niệm tụng

Bốn thời hoặc ba thời
 Pháp này sau đêm THẮNG
 Trong Kinh NHƯ Ý LUÂN
 BẢN GIÁO, Phật đã nói
 Nếu tu tập như vậy
 Đời này chứng SƠ ĐỊA
 Qua mười sáu đời sau
 Thành VÔ THƯỢNG BỒ ĐỀ
 Huống chi THẾ TẤT ĐỊA (thành tựu việc thế gian)

Đời này chẳng như ý
 Tùy sức niệm tụng xong
 Trùng kết TAM MUỘI GIA
 Lại làm Tám CÚNG DƯỜNG
 Phát khiến Mật Ngôn Chủ
 Hai tay buộc bên chắc
 Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) hình cánh sen



Từ tim đến mặt, buông
 Trên đỉnh hợp Hoa Chưởng



Tưởng TÔN trong Hư không
 Lại đường đi về cung
 Mật Ngôn là:
“Án – Bát ná ma Tát đát phộc ngọt ly mục”
 ॐ ५१५१ १: ५:
 ॐ OM PADMA-SATVA HRÌḤ MUḤ

Phát Khiển Thánh Giả xong
 Tự trú BẢN TÔN THẮNG
 Hoặc ở nơi nhàn tĩnh
 Chuyển đọc MA HA DIỄN (Mahà-yàna:Đại Thừa)
 LĂNG GIÀ và HOA NGHIÊM
 BÁT NHÃ với LÝ THỨ

Nhóm Kinh Giáo như vậy
Suy tư rồi tu tập
Tụng đọc Kinh điển xong
Tự ý đi, đứng, ngồi
Chẳng lâu sẽ thành tựu
KIM CƯƠNG TẠNG đã nói
Nghĩ quĩ Đại Bi này
Chẳng chịu ngày và Tú (tinh tú)
Thời, thực (ăn) và tắm gội
Hoặc Tĩnh hoặc Bất Tĩnh
Thường nên chẳng gián đoạn
Mau lìa sự tán loạn
Chốn Không Nhà tịch tĩnh
Chẳng tính các chuyện đời
Niệm xong phát thệ nguyện
Kết TAM MUỘI GIA ẤN
Lễ Phật Bồ Tát xong
Tùy ý mà **kinh hành** (Caṅkramaṇa)

QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT NHƯ Ý LUÂN DU GIÀ
(Một Quyển_ Hết)

Hoàn chỉnh xong vào ngày 23/06/2011